

Bản án số: 104/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thiên Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin

2. Bà Lại Thị Thu Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 201/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1990 (xin vắng mặt);

ĐKTT: Ấp T1, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T1, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Minh T cưới nhau vào năm 2011 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vào ngày 19/12/2011 (Giấy đăng ký số 133, quyển số 01). Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Bà và ông T đã không còn chung

sống với nhau từ tháng 02/2022 đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có một con chung tên Nguyễn Thị Mai Thi, sinh ngày 09/7/2012, hiện đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông T không có tài sản chung và không có nợ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T vắng mặt và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Cháu Nguyễn Thị Mai Thi có ý kiến trong trường hợp cha mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được sống với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] *Về hôn nhân:* Hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp, hai bên có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay bà H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông T. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt cho ông T các văn bản tố tụng để tham gia vụ án. Tuy nhiên, ông T đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà H. Từ đó, cho thấy ông T cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, cuộc sống chung giữa bà H và ông T trên thực tế đã không còn tồn tại từ tháng 02/2022 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2] *Về con chung:* Bà H và ông T có một con chung tên Nguyễn Thị Mai Thi, sinh ngày 09/7/2012. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi con. Ông T vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này. Xét thấy, hiện cháu Thi đang sống với bà H, cuộc sống đã ổn định. Hơn nữa, nguyện vọng của cháu Thi là

muốn sống với mẹ, nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu Thi cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] *Về phân cấp dưỡng nuôi con*: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà H xác định giữa bà và ông T không có tài sản chung và không có nợ chung. Ông T vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc "*Ly hôn*" với ông Nguyễn Minh T.

1. *Về hôn nhân*: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

2. *Về con chung*: Bà Trần Thị H được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Thị Mai Thi, sinh ngày 09/7/2012, ông Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà H xác định giữa bà và ông T không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009825 ngày 02/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà H đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Đức Hòa.
- CCTHADS huyện Đức Hòa.
- UBND xã H,
huyện Đức Hòa.
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thiên Trang

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Lin – Lại Thị Thu Hồng

Cao Thiên Trang